

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2022.

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn Hoàn.

2/ Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 17, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Thành T**, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 14, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị và anh Lê Thành T quen biết rồi tổ chức đám cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Trung, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 08/3/2019. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T không lo làm ăn chăm sóc vợ con. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T;

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Kim P, sinh ngày 08/02/2020 hiện chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành Tâm trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh thống nhất theo lời trình bày của chị T. Anh nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc nữa, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện ly hôn bị đơn anh Lê Thành T, anh T có địa chỉ cư trú tại ấp 14, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Thành T kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 08/3/2019 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã thật sự đổ vỡ không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, bởi lẽ theo anh, chị trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ được một vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ khoảng đầu năm 2021 đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, anh T không chăm sóc vợ con. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án động viên, phân tích, hòa giải nhưng chị T và anh T xác định không còn tình cảm với nhau nữa nên đều đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy tình cảm giữa chị T với anh T thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị T và anh T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Lê Ngọc Kim P, sinh ngày 08/02/2020 hiện chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T và anh T đều có yêu cầu được nuôi con chung, nhưng xét thấy hiện tại trẻ dưới 36 tháng tuổi và chị T đang nuôi dưỡng ổn định nên tiếp tục giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T. Cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Lê Thành T.

2. Về con: Giao con chung tên Lê Ngọc Kim P, sinh ngày 08/02/2020 cho chị Nguyễn Thị Bích T nuôi dưỡng. Anh Lê Thành T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001897 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Long Trung, H. Cai Lậy, TG;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 16 tháng 5 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Văn Hoàn.

- Bà Trần Thị Cúc.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 144/2022/TLST-HNGĐ
ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 17, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Lê Thành T, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 14, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T. Cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Lê Thành T.

2. Về con: Giao con chung tên Lê Ngọc Kim P, sinh ngày 08/02/2020 cho chị Nguyễn Thị Bích T nuôi dưỡng. Anh Lê Thành T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001897 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 16 tháng 5 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên
Hội đồng xét xử⁽¹⁰⁾**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Hoàn

Trần Thị Cúc

Nguyễn Thành Ngoan